TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2019/DSST
Ngày 07 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Thư

2. Bà Lâm Thị Ngọc Minh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2019/TLST-DS ngày 14/6/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-DS ngày 26/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-DS ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX; địa chỉ: x Láng Hạ, phường xx, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T; địa chỉ: Tầng x, Tòa nhà Cộng Hòa Garden, số x Cộng Hòa, Phường x, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 503/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 22/5/2019); (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/10/2019); vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1965; địa chỉ: xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Tuyết V, sinh năm 1963; địa chỉ: xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2019, bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào ngày 23/3/2015, ông Nguyễn Minh N có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150324-600170-0151 ngày 23/3/2015 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX để vay số tiền vốn gốc là 25.528.712 đồng, lãi suất là 3,75%/ tháng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền cả vốn và lãi là 47.043.000 đồng, trả liên tiếp trong vòng 36 tháng, trong 35 tháng đầu thì mỗi tháng trả số tiền là 1.304.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.403.000 đồng; thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/5/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông N đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho ngân hàng được tổng số tiền là 13.040.000 đồng. Kể từ ngày 01/3/2016 ông N không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho đến nay dù đã được ngân hàng nhắc nhở thanh toán.

Do ông N trễ hạn thanh toán và vi phạm hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, buộc ông Nguyễn Minh N thanh toán một lần số tiền còn nợ của ngân hàng là 34.003.000 đồng, bao gồm:

- Nợ vốn gốc còn lại: 21.458.902 đồng.

- Nợ lãi chưa thanh toán: 12.544.098 đồng.

Ngày 22/10/2019, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX do ông Nguyễn Anh T làm đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử.

* Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh N nhưng phía bị đơn đã không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Tuyết V nhưng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án chưa thực hiện đúng một số thủ tục về thời gian giao các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đây là hợp đồng vay tài sản, giao kết thông qua hợp đồng tín dụng, việc vay mượn do các bên tự nguyện thỏa thuận. Ông Nguyễn Minh N không thực hiện trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh N yêu cầu thanh toán tiền nợ theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150324-600170-0151 ngày 23/3/2015. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Minh N hiện đang cư trú tại địa chỉ xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Nguyễn Minh N đăng ký cư trú tại số nhà xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận 11 là "*Đương sự Nguyễn Minh N, sinh năm 1965, Hoàng Thị Tuyết V, sinh năm 1963. Hiện có hộ khẩu thường trú tại địa phương và thực tế cư ngụ tại xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11*". Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 17/10/2019 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Hợp đồng vay tài sản ký kết giữa hai bên đương sự không có sự tham gia của bên thứ ba. Tại các tài liệu, chứng cứ là bản sao sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Minh N do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Nguyễn Minh N có vợ là bà Hoàng Thị Tuyết V. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh N trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không có yêu cầu gì đối với bà Hoàng Thị Tuyết V; bà V và ông N không có yêu cầu gì liên quan đến bà V, tuy nhiên, Tòa án xét thấy việc đưa bà Hoàng Thị Tuyết V vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đảm bảo vụ án được giải quyết toàn diện, khách quan, đảm bảo được quyền lợi của các bên. Căn cứ Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải triệu tập bà Hoàng Thị Tuyết V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Hoàng Thị Tuyết V đăng ký cư trú tại số nhà xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận 11 là "*Đương sự Nguyễn Minh N, sinh năm 1965, Hoàng Thị Tuyết V, sinh năm 1963. Hiện có hộ khẩu thường trú tại địa phương và thực tế cư ngụ tại xx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11*". Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập

và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 17/10/2019 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 22/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về chứng cứ của vụ án:

Phía nguyên đơn đã nộp bản sao giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150324-600170-0151 ngày 23/3/2015; bản sao văn bản thỏa thuận ngày 23/3/2015 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX và ông Nguyễn Minh N; đồng thời nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến vào các ngày 17/6/2019, ngày 10/8/2019, ngày 22/8/2019 và ngày 30/9/2019 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20120324-600170-0151 ngày 23/3/2015 và bản sao văn bản thỏa thuận ngày 23/3/2015 là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; đồng thời xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

4.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh N trả cho nguyên đơn nợ vốn gốc còn lại 21.458.902 đồng. Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Nguyễn Minh N đã vay số tiền vốn gốc là 25.528.712 đồng, lãi suất là 3,75%/ tháng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20120324-600170-0151 ngày 23/3/2015 thì ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền cả vốn và lãi là 47.043.000 đồng, trả liên tiếp trong vòng 36 tháng. Ông N đã thanh toán cho ngân hàng được tổng số tiền là 13.040.000 đồng; số tiền còn lại là 34.003.000 đồng (bao gồm nợ vốn gốc còn lại 21.458.902 đồng và nợ lãi chưa thanh toán 12.544.098 đồng). vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ.

Tại Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn*".

Tại điểm 7.1 Điều 7 Phần II của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150324-600170-0151 ngày 23/3/2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay như sau: "*Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, tiền lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này. Bên vay phải tuân thủ phương thức thanh toán và phải thanh toán theo trình tự, quy định đã được thỏa thuận*".

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại số nợ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn lại 21.458.902 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

4.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ lãi:

Xét điểm 2.2 Điều 2 Phần II của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20120324-600170-0151 ngày 23/3/2015 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay là 3,75%/ tháng.

Tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*".

Tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*''và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.*".

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Ông Nguyễn Minh N đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 13.040.000 đồng (bao gồm một phần vốn gốc và lãi); nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn còn lại là 12.544.098 đồng, không yêu cầu tiền lãi quá hạn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX số tiền nợ lãi là 12.544.098 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Minh N còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm 07/11/2019 cho đến khi ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất ông N đã thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Minh N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Minh N nhưng ông N vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hoàng Thị Tuyết V nhưng bà V vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V. Ngoài ra, phía nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu gì đối với bà Hoàng Thị Tuyết V nên Hội đồng xét xử không xem xét các quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 34.003.000 đồng và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 1.700.150 đồng (một triệu bảy trăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh N trả nợ.

Buộc ông Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX số tiền là 34.003.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng); trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.700.150 đồng (một triệu bảy trăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.075 đồng (tám trăm năm mươi nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010241 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX thì lãi suất mà ông Nguyễn Minh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần XXXX.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng